

TRẠNG THÁI NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM KHƠ-MÚ Ở VIỆT NAM

Tạ Văn Thông^a
Tạ Quang Tùng^b

^a Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam
Email: tavanthong1955@gmail.com

^b Viện Ngôn ngữ học Việt Nam
Email: quangtung7391@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/2/2020

Ngày phản biện: 28/2/2020

Ngày tác giả sửa: 5/3/2020

Ngày duyệt đăng: 20/3/2020

Ngày phát hành: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/385>

Mục đích của bài viết này là chỉ ra những điểm chung và riêng trong trạng thái ngôn ngữ của các dân tộc ở Việt Nam thuộc nhóm ngôn ngữ Khơ-mú (Khmuic) gồm: Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng, Ô Đu.

Những điểm chung: Đây là những ngôn ngữ rất gần gũi về cội nguồn, hiện giữ lại được trạng thái “cổ” của các ngôn ngữ đơn lập. Hiện tượng đa ngữ (phổ biến là song ngữ) phổ biến ở tất cả các dân tộc thiểu số nhóm Khơ-mú: Tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ các dân tộc này - tiếng Thái, tiếng Lào... Tuy nhiên, hiện tượng đa ngữ này lại thường là bất bình đẳng.

Những điểm riêng biệt: Dân tộc Kháng nói bằng 2 ngôn ngữ. Ngôn ngữ các dân tộc Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng có nguy cơ thất truyền cao; Ô Đu đang có nguy cơ mất hoàn toàn bản sắc văn hóa truyền thống, trong đó có ngôn ngữ tộc người (chuyển sang nói tiếng Thái hoặc Khơ-mú).

Có thể xem đây là một trường hợp nghiên cứu về trạng thái ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số; Đa ngữ; Ngôn ngữ bị mai một; Nhóm ngôn ngữ Khơ-mú; Trạng thái ngôn ngữ.

1. Đặt vấn đề

Mục đích của bài viết là chỉ ra những điểm chung và riêng biệt trong trạng thái ngôn ngữ ở các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Khơ-mú (Khmuic – xin gọi tắt: “Các ngôn ngữ nhóm Khơ-mú” và “các dân tộc nhóm Khơ-mú”), thuộc nhánh Môn – Khmer Bắc, chi Môn – Khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic): Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng, Ô Đu. Từ đó hướng tới giải pháp tích cực hơn đối với ngôn ngữ của các dân tộc này trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Những nghiên cứu dân tộc học

Trong chuyên khảo của Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên (1972), các dân tộc Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng (cùng Mảng, La Ha) đã được giới thiệu dưới tên gọi chung: “Các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam”.

Các dân tộc Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng, Ô Đu được nhắc đến trong sách: Viện Dân tộc học (1978), “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Khu vực phía Bắc)”. Sau đó có những sách khảo cứu về nhiều mặt trong đời sống văn hóa các dân tộc này: Không Diển (Chủ biên, 1999), “Dân tộc Khơ-mú ở Việt

Nam”; Trần Bình (1999), “Dân tộc Xinh Mun ở Việt Nam”; Phạm Quang Hoan & Đặng Thị Hoa (2011), “Người Kháng ở Việt Nam”... Dân tộc Ô Đu ít được nhắc đến, có thể vì số dân quá ít (trên dưới 400, ít nhất trong số các dân tộc ở Việt Nam).

Những nghiên cứu nói trên đã cho thấy, mối quan tâm nhiều nhất tới văn hóa tộc người và sinh kế, sự cố kết, ổn định xã hội... ở các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú. Một số tài liệu cho biết một số thông tin có liên quan đến ngôn ngữ tộc người: Quan hệ giữa các dân tộc, các nhóm địa phương, sự tiếp xúc của các cộng đồng...

2.2. Những nghiên cứu ngôn ngữ học

Theo các tài liệu dân tộc học, nhóm Khơ-mú gồm 13 ngôn ngữ, chủ yếu ở Lào, Thái Lan và Việt Nam.

Tiếng Khơ-mú đã được biết đến từ thế kỉ 19 (từ vựng Khơ-mú được ghi trong tài liệu của Garnier (1873) thuật lại cuộc thám hiểm Đông Dương của ông). Theo quan điểm của A. G. Haudricourt (1953, 1954), nghiên cứu nhóm Khơ-mú có thể giúp làm rõ lịch sử tiếng Việt. Từ những năm 1970, phạm vi nghiên cứu về các ngôn ngữ này được mở rộng, về tiếng Xinh Mun, tiếng Tây Hạng (Ô Đu)...

Gần đây, có các công trình về tiếng Khơ-mú

ở Thái (Suwilai Premssirat, 1993, 2001) . Ở Việt Nam, tác giả Tạ Quang Tùng (2013, 2014) có các công trình “Đặc điểm từ âm vị học tiếng Khor-mú (trên cơ sở phân tích bằng máy tính)” và “Đặc điểm tiếng Khor-mú ở Tây Bắc Việt Nam”.

Tiếng Xinh Mun (Kxinh Mul) được các nhà khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô (AH CCCP) và Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (KOH CPB) tập trung nghiên cứu từ năm 1979 trong một chương trình điền dã. Công trình “Tiếng Kxing Mul” (tư liệu điền dã Xô – Việt năm 1979) bằng tiếng Nga được xuất bản tại Matxcova năm 1990. Ở Lào, tiếng Xinh Mun cũng được đề cập đến trong các công trình của Macey, Proschan.

Tiếng Kháng đã được các học giả nước ngoài quan tâm từ những năm 70 của thế kỉ XX, nhằm xác lập cây phả hệ các ngôn ngữ châu Á, với các tác giả David Thomas & Robert K Headley (1970); Gerard Diffloth (1986); Dao Jie (2007); Chazée (1999); Paul Sidwell (2015); Naomitsu Mikami (2003); Jerold A. Edmondson (2010); Nguyễn Hữu Hoàn (2007, 2009); Tạ Quang Tùng (2014, 2016, 2017a, 2017b, 2018, 2019a, 2019b)...

Tiếng Ó Đu đã được mô tả sơ lược trong cuốn: “Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam” (Thông & Tùng, 2017, tr. 621-623); “Tiếng Tây Hạp (Ó Đu)” (Vạn, 1983)

3. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu

Bài viết sử dụng các phương pháp: Miêu tả, từ phân tích các sự kiện cụ thể nhằm tổng hợp thành quy luật chung về trạng thái ngôn ngữ trong hoàn cảnh Việt Nam.

Tư liệu dùng trong bài viết là những quan sát về ngôn ngữ và đời sống ngôn ngữ (qua điền dã và qua sách vở trong nước và nước ngoài) về ngôn ngữ các dân tộc nhóm Khor-mú ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và Nghệ An.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm các cộng đồng nói các ngôn ngữ Khor-mú

Khor-mú là tên chính thức của một dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trong các tài liệu khác nhau và trong giao tiếp xã hội, tên dân tộc này còn được đọc và ghi: *Khor-mú, Khomu, Khmu, Kammu, Khamou...* Dân số gồm 72.929 người (thống kê năm 2009). Cư trú ở các tỉnh: Nghệ An (huyện Tương Dương, Kỳ Sơn); Sơn La (Thuận Châu, Sông Mã, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La); Điện Biên (Thành phố Điện Biên, Tuần Giáo); Yên Bái (Văn Chấn)...

Ở Việt Nam, người Khor-mú tự gọi mình là *Cohmu, Comu* hay *Commu, Căm mu* (trong tiếng Khor-mú nghĩa là “người”). Ngoài tên gọi chính thức (*Khor-mú*), trước kia người Khor-mú còn được gọi gộp chung (với Xinh Mun, La Ha, Kháng,...) là *Xá*: Người Thái gọi họ là *Xá Cầu*; người La Ha gọi

họ là *Khá Kláu*; người Mông gọi họ là *Mãng Cầu*. Họ cũng còn được gọi là *Mún Xen, Pu Thênh, Tênh, Tây Hạp...* - những tên hiện nay rất ít dùng hoặc không dùng nữa.

Người Khor-mú cư trú tại nhiều nước, chủ yếu ở khu vực châu Á (Lào, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam...), đông nhất là ở Lào (khoảng trên dưới 550 ngàn người). Ở Lào, họ tập trung chủ yếu trong các tỉnh Luang Prabang và Xiêng Khoảng. Ngoài ra, họ còn sống ở các tỉnh như: Luang Nặm Thà, Uđomxay, Bokaep, Xayaburi, Phong Sa Lý, Hủa Phan... Ở Lào, họ được xếp vào khối chung là *Lào Thênh* (người Lào ở trên cao).

Tại Thái Lan, phần lớn người Khor-mú sống tập trung gần biên giới Lào - Thái Lan, ở các tỉnh Nan và Chiang Rai ở miền Bắc. Họ cũng cư trú ở các tỉnh Kanchanaburi và Uthaitхани. Tại Trung Quốc, người Khor-mú sống rải rác ở Síp Song Pan Na, Yunnan. Còn tại Hoa Kỳ, người Khor-mú sinh sống tại bang California.

Ở Việt Nam, trong vùng người Khor-mú sinh sống, còn có các dân tộc: Kinh, Thái, Xinh Mun, Mông, Mường, Kháng, La Ha...

Xinh Mun là tên chính thức của một dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trong các tài liệu khác nhau và trong giao tiếp xã hội, tên dân tộc này còn được đọc và ghi: *Xinh mun, Xinh Mul, Xinh-mun, Kxinh mul...* Dân số: 23. 278 người (2009). Cư trú ở các tỉnh: Sơn La (các huyện Yên Châu, Sông Mã, Mai Sơn, Mộc Châu), Điện Biên (huyện Điện Biên Đông). Người Xinh Mun đông nhất là ở Yên Châu và Sông Mã (Sơn La).

Ở Việt Nam, người Xinh Mun tự gọi mình là *Koxinh mul* (tiếng Xinh Mun nghĩa là: “người - núi”, được hiểu là “người ở núi”, “người trên núi”). Các tên gọi khác chỉ các nhóm địa phương: *Xinh Mun Dạ* hoặc *Puộc Dạ* (gọi những người Xinh Mun cư trú lâu đời ở bản Nà Dạ - xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La); *Xinh Mun Nghệt* hoặc *Puộc Nghệt* (vốn ở bản Nà Nghệt thuộc tỉnh Hủa Phăn - Lào). Có tác giả đề nghị thêm một nhóm nữa, gọi là *Xinh Mun Đông*, chỉ những người Xinh Mun hiện cư trú ở địa phương có tên là *Pá Đông* - huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Hai nhóm địa phương Xinh Mun là Xinh Mun Dạ và Xinh Mun Nghệt có một số điểm khác biệt về văn hóa và trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Nhóm Xinh Mun Dạ ở vùng thấp, gần đường giao thông hơn, thường xuyên tiếp xúc với người Thái, nên đã tiếp thu nhiều nét văn hóa Thái hơn. Nhóm Xinh Mun Nghệt chuyển cư từ Lào sang cách đây không lâu. Sang Việt Nam, họ cư trú thành một dải từ xã Chiềng Hắc (huyện Mộc Châu) qua Tú Nang, Long Phiêng, Chiềng Hặc (Yên Châu), Phiêng Păn (Mai Sơn) của tỉnh Sơn La.

Ngoài tên gọi chính thức, trước kia người Xinh

Mun còn được các dân tộc khác gọi gộp chung (cùng với người Khor-mú, La Ha, Kháng....) là *Xá*.

Ngoài Việt Nam, người Xinh Mun còn cư trú ở Xiêng Khoảng và Hủa Phăn của nước Lào.

Xưa kia, người Xinh Mun sống quây quần thành từng bản (gọi là *kol*) riêng biệt, nhưng hiện nay đã sống xen kẽ với người các dân tộc khác, chủ yếu là với người Kinh và người Thái. Hiện nay, ở vùng người Xinh Mun sinh sống, còn có các dân tộc: Kinh, Thái, Khor-mú, Mông, Mường, Kháng, La Ha...

Kháng là tên chính thức của một dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trong các tài liệu khác nhau và trong giao tiếp xã hội, tên dân tộc này còn được đọc và ghi: *Mơ Kháng, Ma Kháng, Bủ Háng, Xá Kháng...* Dân số: 13.840 người (2009). Các địa phương có đông người Kháng cư trú: huyện Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La (tỉnh Sơn La); Mường Lay, Mường Tè, Tuần Giáo (tỉnh Điện Biên); Phong Thổ (tỉnh Lai Châu).

Ở các địa phương khác nhau người Kháng còn tự gọi và được các dân tộc khác gọi bằng nhiều hình thức khác nhau: Người Kháng ở Chiềng Bôm, Thuận Châu (tỉnh Sơn La) tự gọi là *Kháng Huộc* (Kháng Trắng); ở vùng Chiềng Xôm, Thuận Châu (tỉnh Sơn La) tự gọi là *Ma Kháng Hóc, Ma Kháng Ái* (người Kháng ở bản Hóc, bản Ái); ở vùng Mường Giôn, Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La) tự gọi là *Ma Háng Béng, Ma Háng Cọi* (người Kháng ở bản Béng, bản Cọi) cũng ở huyện Quỳnh Nhai nhưng vùng Chiềng Ôn lại tự gọi là *Bạ Háng*; ven sông Đà vùng Thuận Châu, Mường La, ven suối Nậm Mu thuộc Than Uyên (tỉnh Lai Châu) tự gọi là *Bủ Háng Cuông*; ở bản Bo, Tam Đường (tỉnh Lai Châu) tự gọi là *Bộ Háng*; ở Quảng Lâm, Mường Toong, Mường Tè (tỉnh Điện Biên) tự gọi là *Brên*.

Người Kháng sống xen kẽ với các dân tộc khác: Thái, Khor-mú, Xinh Mun. Người Kháng chịu ảnh hưởng nhiều từ các dân tộc khác, đặc biệt từ người Thái.

O Đu là tên chính thức của một dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trong các tài liệu khác nhau và trong giao tiếp xã hội, tên dân tộc này còn được đọc và ghi: *I Đuh, Tày Phong, Tày Phọng, Tày Hát...* Dân số: 376 người (2009). Với dân số hiện nay, đây là cộng đồng được coi là “dân tộc thiểu số rất ít người”, thậm chí ít người nhất ở Việt Nam. Cư trú chủ yếu ở tỉnh Nghệ An (huyện Tương Dương), xen kẽ với người Khor-mú và Thái,

Người O Đu còn sống tại tỉnh Xiêng Khoảng của Lào. Ở Lào, họ được xếp vào khối cộng đồng được gọi chung là *Lào Thênh* (nghĩa là “người Lào ở trên cao”). Phần lớn các bản của người O Đu ở các vùng núi rừng xa xôi, khó khăn về kinh tế, văn hóa và giáo dục. Ở nhiều nơi, họ sinh sống bên cạnh người Lào và người Mông.

Cho đến nay, việc xác định nguồn gốc lịch sử

của người O Đu ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở sự đoán định. Sau Cách mạng Tháng Tám, người O Đu quy tụ về sinh sống ở bản Xốp Pốt, Kim Hòa, xã Kim Đa, một vài hộ sinh sống rải rác ở bản Tạ Xiêng, xã Kim Tiến, bản Xiêng Hương, xã Xá Lượng (huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An). Tuy nhiên, ở thời điểm đó hầu hết người O Đu không nhớ được các phong tục tập quán của mình.

4.2. Đặc điểm trạng thái các ngôn ngữ Khor-mú

4.2.1. Đặc điểm ngôn ngữ của dân tộc Khor-mú

Tiếng Khor-mú là ngôn ngữ tộc người của dân tộc Khor-mú.

Theo các tài liệu tham khảo, ngôn ngữ Khor-mú ở Lào có nhiều tiếng địa phương khác nhau: *Khor-mú Yoan*, ở khu vực Luang Nặm Thà; *Khor-mú Luc*, ở phía bắc của tỉnh U Đom Xay; *Khor-mú Rook*, ở khu vực trung tâm của U Đom Xay; *Khor-mú Khroang*, ở phía đông của U Đom Xay; *Khor-mú Koang*, ở sát lưu vực các sông Mê Công, Rook và Uu...

Người Khor-mú gọi “tiếng, tiếng nói” là *khoăm* hoặc *quăm/ quăm* (từ mượn tiếng Thái). Như vậy, “tiếng Khor-mú” gọi theo ngôn ngữ của dân tộc này là *khoăm Kohmụ* (nghĩa là: “tiếng - người” = tiếng Khor-mú). “Chữ” trong tiếng Khor-mú gọi là *xu* hoặc *chur*. Để chỉ động tác “nói”, trong tiếng Khor-mú có từ là *may* hoặc *lau*; “viết” là *tem*...

Tiếng Khor-mú là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, tiểu loại hình “cô”, cận âm tiết tính (*quasi-syllabic*). Từ âm vị học (*phonological word*) tiếng Khor-mú có thể có hình thức đơn tiết hoặc song tiết. Trong tiếng Khor-mú, ranh giới giữa từ âm vị học và âm tiết có thể không trùng nhau. Bên cạnh các từ có hình thức đơn tiết, còn thường gặp các từ có hình thức song tiết (gồm một tiền âm tiết và một âm tiết chính - âm tiết mang trọng âm; còn gọi là “một âm tiết rưỡi”).

Trong từ vựng tiếng Khor-mú ở Việt Nam, có thể thấy nhiều lớp từ ngữ chồng lên nhau: lớp gốc Nam Á, lớp mượn Tày - Thái và lớp mượn Việt. Đồng thời, trong tiếng Khor-mú hiện có không ít các kết cấu từ vựng - ngữ pháp mô phỏng theo tiếng Việt. Một số trường hợp trong những kết cấu này có các yếu tố vay mượn tiếng Việt hoặc tiếng Thái, kết hợp với yếu tố Khor-mú. Trong đó, có những từ Việt, Thái và Khor-mú cùng tồn tại, tạo nên các cặp đồng nghĩa gốc Thái/ Việt/ Khor-mú.

Theo các tài liệu hiện có, tiếng Khor-mú có thể được phân biệt thành hai phương ngữ chính: “Khor-mú Đông” và “Khor-mú Tây”.

Khor-mú Đông được phân bố ở các tỉnh Phong Sa Lý, Luang Prabang, Hủa Phan và Chiềng Khuang của Lào; các tỉnh Nghệ An, Sơn La, Điện Biên, Yên Bái, Thanh Hóa của Việt Nam; tỉnh Síp Song Pan Na của Trung Quốc. Khor-mú Tây được phân bố ở các tỉnh Luang Nặm Thà, U Đom Xay, Bokaep của Lào; ở các tỉnh Nan và Chiềng Rai ở phía Bắc Thái

Lan; vài làng ở Sip Song Pan Na của Trung Quốc. Sự khác biệt giữa hai phương ngữ nói trên chủ yếu về mặt từ vựng và ngữ âm. Trong tiếng Khor-mú Tây có sự phân biệt âm vực (*register*) trong từ âm vị học, có thể coi là những dấu hiệu mạnh naha của đôi lập thanh điệu: “cao” (*high*) và “thấp” (*low*).

Tiếng Khor-mú Việt Nam ở các địa phương khác nhau có một số khác biệt, nhưng về căn bản là thông nhất.

Người Khor-mú ở Việt Nam chưa có chữ viết. Theo một số tài liệu, ở Lào tiếng Khor-mú được ghi bằng chữ dạng Sanscrit. Chữ này không phổ biến ở Việt Nam.

Trạng thái ngôn ngữ phổ biến ở vùng người Khor-mú Việt Nam hiện nay là đa ngữ Khor-mú - Việt - Thái. Ở một số nơi, người Khor-mú còn biết tiếng Lào, Mông. Tiếng Khor-mú hiện chủ yếu sử dụng trong gia đình, làng bản..., trong nội bộ của dân tộc Khor-mú, chỉ được dùng trong một số hoàn cảnh giao tiếp nhất định ở dạng khẩu ngữ (không ở dạng ngôn ngữ thành văn).

Tiếng Khor-mú hiện được truyền lại cho thế hệ sau chỉ bằng cách truyền miệng. Rất ít nghiên cứu về tiếng Khor-mú.

4.2.2. Đặc điểm ngôn ngữ của dân tộc Xinh Mun

Tiếng Xinh Mun là ngôn ngữ tộc người của dân tộc Xinh Mun.

Người Xinh Mun gọi “tiếng, tiếng nói” là *khoãm* hoặc *quãm* (từ mượn tiếng Thái). Như vậy, “tiếng Xinh mun” gọi theo ngôn ngữ của dân tộc này là *khoãm Koxinh mul* (nghĩa là: “tiếng - người - núi” = tiếng Xinh mun).

Tiếng Xinh Mun là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, tiểu loại hình “cô”, cận âm tiết tính (*quasi-syllabic*). Từ âm vị học (*phonological word*) tiếng Xinh Mun có thể có hình thức đơn tiết hoặc song tiết. Trong tiếng Xinh Mun, ranh giới giữa từ âm vị học và âm tiết có thể không trùng nhau. Bên cạnh các từ có hình thức đơn tiết, còn thường gặp các từ có hình thức song tiết (gồm một tiền âm tiết và một âm tiết chính - âm tiết mang trọng âm; còn gọi là “một âm tiết ruồi”).

Tiếng Xinh Mun không có thanh điệu.

Trong từ vựng tiếng Xinh mun, có thể thấy nhiều lớp từ chồng lên nhau: lớp gốc Nam Á, lớp mượn Tây - Thái và lớp mượn Việt.

Theo cảm thức bản ngữ, tiếng Xinh Mun ở Việt Nam thuộc các nhóm Xinh Mun Ngệch và Xinh Mun Dạ có một số khác biệt, đặc biệt về mặt ngữ âm (“giọng nói”). Tiếng Xinh Mun Dạ có rất nhiều từ ngữ vay mượn của tiếng Thái và tiếng Việt. Tiếng Xinh Mun Ngệch ít người nói, nhưng hiện còn bảo tồn được sắc thái giọng nói Xinh Mun tốt hơn: Phần đầu của các từ Xinh Mun Ngệch còn giữ được nhiều tiền âm tiết và tổ hợp phụ âm; Tiếng nói nhóm này

có nhiều từ ngữ chung với Khor-mú...

Người Xinh Mun ở Việt Nam chưa có chữ viết.

Trạng thái đa ngữ phổ biến ở vùng người Xinh Mun hiện nay là tam ngữ Xinh Mun - Việt - Thái. Ở một số nơi, người Xinh Mun còn biết tiếng Mông, Tây. Tiếng Xinh Mun hiện chủ yếu sử dụng trong gia đình, làng bản..., trong nội bộ của dân tộc Xinh Mun, trong một số hoàn cảnh giao tiếp nhất định ở dạng khẩu ngữ (không ở dạng ngôn ngữ thành văn). Tiếng được dùng phổ biến trong sinh hoạt hàng ngày ở gia đình người Xinh Mun, thậm chí cả trong cúng bái, hát hò, cưới xin, hội hè... Điều này có thể còn có lí do là hiện nay tình trạng hôn nhân hỗn hợp Xinh Mun - Thái tương đối phát triển. Đa số người Xinh Mun sử dụng được tiếng Việt nhưng vẫn ở trình độ thấp, chủ yếu mới chỉ dừng lại ở nói năng trao đổi hàng ngày (chưa có khả năng tiếp nhận và tạo ra các văn bản viết) và chỉ ở những giao tiếp giản đơn. Rất ít nghiên cứu về tiếng Xinh Mun. Ngôn ngữ này được truyền lại cho thế hệ sau chỉ bằng cách truyền miệng.

4.2.3. Đặc điểm ngôn ngữ của dân tộc Kháng

Tiếng Kháng là ngôn ngữ tộc người của dân tộc Kháng.

Những kết quả xem xét từ góc độ địa lý ngôn ngữ học, lịch sử tộc người, ý thức tự giác tộc người cũng giúp khẳng định: Dân tộc Kháng nói hai ngôn ngữ (tạm quy ước gọi chung là “tiếng Kháng”): Tiếng Kháng khu vực Tuần Giáo, Thuận Châu, Mường La, Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La); tiếng Kháng ở Quảng Lâm (tỉnh Điện Biên).

Ngôn ngữ Kháng khu vực Tuần Giáo, Thuận Châu, Mường La, Quỳnh Nhai lại có thể được phân ra 2 tiếng địa phương: Tiếng Kháng vùng Tuần Giáo (tỉnh Điện Biên) và Thuận Châu (tỉnh Sơn La) phân bố ở hữu ngạn sông Đà; tiếng Kháng Mường La, Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La) ở tả ngạn sông Đà.

Các ngôn ngữ dân tộc Kháng thuộc loại hình đơn lập, tiểu loại hình “trung”. Nhìn chung, từ âm vị học tiếng Kháng phần lớn có hình thức đơn tiết. Trong tiếng Kháng, ranh giới giữa từ âm vị học và âm tiết trùng nhau. Đây là các ngôn ngữ có thanh điệu: 4 - 6 thanh (tùy các tiếng địa phương khác nhau).

Người Kháng chưa có chữ viết.

Trạng thái ngôn ngữ phổ biến ở vùng người Kháng Việt Nam hiện nay là đa ngữ Kháng - Việt - Thái. Ở vùng người Kháng, tiếng Việt và tiếng Thái trở thành những ngôn ngữ giao tiếp chung của các dân tộc ở phạm vi rộng, đa dạng và mức độ sâu sắc. Do dân tộc Kháng có số dân ít lại sống phân tán, xen kẽ vào những làng bản đông đúc của dân tộc Thái ở vùng đất Tây Bắc Việt Nam nhiều thế kỉ nay, nên dân tộc Kháng đã chịu ảnh hưởng của dân tộc Thái khá đậm nét về tiếng nói và phong tục. Người Kháng nói tiếng Thái khá thông thạo. Trong tiếng Kháng, vốn từ chung với tiếng Thái khá lớn.

Tiếng mẹ đẻ của người Kháng hầu như chỉ được sử dụng trong gia đình, làng bản, ở các thế hệ lớn tuổi. Các hoàn cảnh khác, phần lớn người Kháng dùng tiếng Việt và tiếng Thái.

4.2.4. Đặc điểm ngôn ngữ của dân tộc Ô Đu

Tiếng Ô Đu là ngôn ngữ của dân tộc Ô Đu. Tuy nhiên, có không ít người Ô Đu đã nhận ngôn ngữ họ đang nói (chủ yếu là Thái, Khơ-mú) là tiếng mẹ đẻ của họ.

Cho đến nay, sự hiểu biết về tiếng Ô Đu rất ít. Tiếng Ô Đu gần như chưa được nghiên cứu. Người Ô Đu chưa có chữ viết.

Những người già Ô Đu khẳng định, người Ô Đu đã từng có ngôn ngữ riêng, tiếng của họ nghe như tiếng của người Khơ-mú. Do số dân quá ít, sống xen kẽ với các dân tộc khác, lại hầu như không có quan hệ với đồng tộc ở Lào, nên các thế hệ Ô Đu còn lại bây giờ đã quên hết tiếng nói, thậm chí không còn nhớ cả phong tục tập quán. Một số rất ít người già còn nhớ được khoảng trên dưới 100 từ ngữ. Trong những năm qua, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đã có một số nỗ lực trong việc khôi phục tiếng nói của người Ô Đu, mở một số lớp dạy học tiếng.

Theo lời kể, khi đã về già người Ô Đu mới có học lấy vài từ tiếng mẹ đẻ bằng cách truyền miệng, với mục đích khi về thế giới bên kia “chào hỏi trò chuyện với ông bà tổ tiên”. Ngôn ngữ này đã “hầu như chỉ còn trong ký ức”.

Trạng thái ngôn ngữ phổ biến ở vùng người Ô Đu Việt Nam hiện nay là đa ngữ: Tiếng Việt - Khơ-mú - Thái... Người Ô Đu sử dụng được tiếng Việt ở trình độ thấp. Hiện nay người làng giềng gần gũi nhất của Ô Đu là Thái. Tiếng Thái đang có xu hướng thay thế cho tiếng Ô Đu.

5. Thảo luận

5.1. Những điểm chung và những điểm riêng biệt trong trạng thái ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú ở Việt Nam

5.1.1. Những điểm chung

- Các ngôn ngữ nhóm Khơ-mú rất gần gũi nhau về cội nguồn và loại hình. Đây là những ngôn ngữ hiện còn giữ lại được trạng thái rất “cô” của các ngôn ngữ đơn lập. Những “mảnh” này có thể kể nhiều chuyện về quan hệ cội nguồn, loại hình, tiếp xúc của các ngôn ngữ, đặc biệt là quan hệ với tiếng Việt và với các ngôn ngữ khác. Thậm chí cả về lịch sử tộc người của chúng.

- Hiện tượng đa ngữ (phổ biến là song ngữ) phổ biến ở tất cả các dân tộc thiểu số nhóm Khơ-mú: Tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ các dân tộc này - tiếng Thái, tiếng Lào. Khơ-mú... Tuy nhiên, hiện tượng đa ngữ này lại thường là bất bình đẳng (thể yếu thuộc về các dân tộc ít người hơn), tạo nên những điều kiện bất lợi cho các ngôn ngữ này.

Hiện nay, ngôn ngữ tộc người của các dân tộc nhóm Khơ-mú đang đứng trước nguy cơ bị giảm thiểu các chức năng xã hội, chỉ được dùng trong một số hoàn cảnh giao tiếp nhất định ở gia đình và làng xóm, không có chữ viết, chỉ được sử dụng và lưu truyền ở dạng khẩu ngữ (không có văn bản bằng chữ viết...), rất nghèo nàn về từ vựng và các kết cấu ngữ pháp, kém sức biểu cảm do bị pha trộn và ít được sử dụng.

Thực tế đang đặt ra yêu cầu rất cấp bách phải bảo tồn và phát triển vốn văn hóa truyền thống, trong đó có ngôn ngữ của dân tộc này.

5.1.2. Những điểm riêng biệt

- Ở Việt Nam đã gặp những khó khăn trong xác định thành phần dân tộc, khi một cộng đồng: Sử dụng hai hay hơn hai ngôn ngữ. Có hiện tượng thay thế ngôn ngữ: Dùng ngôn ngữ khác chứ không dùng tiếng mẹ đẻ, thậm chí coi ngôn ngữ khác là tiếng mẹ đẻ của mình. Dân tộc Kháng nói bằng 2 ngôn ngữ. Dân tộc Ô Đu chủ yếu nói bằng ngôn ngữ của dân tộc khác.

- Hiện nay, nguy cơ thất truyền ngôn ngữ xảy ra ở các dân tộc như Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng, Ô Đu. Sự thất truyền này có những biểu hiện không như nhau. Khơ-mú, Xinh Mun, Kháng là những dân tộc có nguy cơ rất cao; Ô Đu là một dân tộc đang có nguy cơ mất hoàn toàn bản sắc văn hóa truyền thống.

5.2. Sự đánh giá và giải pháp từ bức tranh hiện thực

- Cho đến nay, theo ý kiến của đa số những nhà khoa học, trong hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam, các tiêu chí để một cộng đồng được gọi là “dân tộc” (Ethnic) như sau: Thống nhất chung về văn hoá vật chất và tinh thần; thống nhất chung về ngôn ngữ; thống nhất chung về ý thức tộc người và tên gọi (cùng nhận một tộc danh).

Các tiêu chí trên hiện nay cần được áp dụng uyển chuyển ở Việt Nam. Đối với các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú ở Việt Nam, trước mắt cần đặt lên trên hết là tiêu chí “thống nhất chung về ý thức tộc người và tên gọi (cùng nhận một tộc danh)”.

- Bảo tồn và phát triển các ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú để làm gì?

Thực tế thì đối với tất cả các dân tộc, ngôn ngữ không chỉ là một thành tố cơ bản của văn hoá, một biểu hiện của những giá trị nhân văn, mà còn là phương tiện để hình thành, phản ánh và lưu truyền các hình thái văn hóa khác (văn nghệ truyền thống; những kinh nghiệm sống, thế giới quan và nhân sinh quan; tình cảm thái độ...), hệ thống tri thức bản địa quan trọng nhất trong đời sống văn hoá tinh thần của một dân tộc.

Bảo tồn và phát triển các ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú góp phần bảo tồn và phát triển sự đa dạng văn hóa trong quốc gia đa dân tộc

Việt Nam, qua việc bảo tồn và phát triển những nét bản sắc văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc thiểu số, trong đó có tiếng mẹ đẻ của dân tộc này.

- Phải làm gì để bảo tồn và phát triển ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú?

Cần xác định phương hướng kế hoạch hóa và có chính sách riêng biệt đối với các ngôn ngữ của các dân tộc có nguy cơ bị thất truyền ngôn ngữ rất cao. Ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhóm Khơ-mú đều thuộc loại này.

Quan tâm nghiên cứu, sưu tầm, tổ chức dạy và học các ngôn ngữ có nguy cơ thất truyền và sử dụng nhiều hơn trong đời sống.

Giúp cho người bản ngữ hiểu rõ hơn về vai trò di sản - ngôn ngữ đối với bản sắc văn hóa truyền thống của họ và có ý thức bảo tồn, phát triển tiếng mẹ đẻ;

Đặc biệt, mang đến cho xã hội nói chung và các nhà quản lý nói riêng sự nhận thức sâu sắc hơn về vai trò ngôn ngữ các dân tộc, có hành động thiết thực hơn đối với sự đa dạng văn hóa truyền thống trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

Để bảo tồn ngôn ngữ Ô Đu, cần có nhiều công việc cần làm ngay. Trong đó, quan tâm, tìm hiểu về ngôn ngữ này trong mối quan hệ với tiếng nói Ô Đu

ở Lào... Nên sưu tập lại các từ ngữ và câu, văn bản truyền miệng, ghi lại bằng chữ viết Ô Đu rồi biên soạn và in thành tài liệu để dạy và học, tạo điều kiện cho ngôn ngữ này “hồi sinh” trong đời sống.

6. Kết luận

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Điều 5 khẳng định: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình”. Quyết định số 53/CP ngày 22/8/1980 của Chính phủ về chính sách đối với ngôn ngữ và chữ viết dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng khẳng định: “...Tiếng nói và chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa là vốn quý của các dân tộc đó, vừa là tài sản văn hoá chung của cả nước. Ở vùng dân tộc thiểu số, tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số được dùng đồng thời với tiếng và chữ phổ thông”.

Có thể xem bài viết này là một nghiên cứu trường hợp (nhóm ngôn ngữ Khơ-mú) về trạng thái ngôn ngữ thường gặp ở các dân tộc thiểu số Việt Nam. Từ đó hướng tới những giải pháp tích cực đối với ngôn ngữ của các dân tộc có cùng trạng thái này, ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Bình, T. (1999). *Dân tộc Xinh Mun ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Chazée, L. (1999). *The Peoples of Laos: Rural and Ethnic Diversities*. Bangkok: White Lotus.

Delcros, H., & Subra, J. (1966). *Petit dictionnaire du langage des Khmu' de la région de Xieng-Khouang*. Vientiane: Mission Catholique.

Diễn, K. (1999). *Dân tộc Khơ Mú ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Diffloth, G. (1986). Austro - Asiatic Languages. In *Encyclopedia Britanica (16th ed)*. Macropedia.

Edmondson, J. A. (2010). The Khang language of Viet Nam in comparison to Ksing Mun (Xinh Mun). In Kenneth A. McElhanon & Ger Reesink (Eds.), *A Mosaic of languages and cultures* (pp. 138–154).

Francis, G. (1873). *Voyage d'exploration en Indo-Chine effectué pendant les années 1866, 1867, et 1868 par une commission française, présidée par Doudart de Lagrée, et publié...sous la direction de...Francis Garnier*. Paris: Hachette Book Group.

Hoan, P. Q., & Hoa, Đ. T. (2011). *Người Kháng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Haudricourt, A. G. (1973). Mấy điều nhận xét về lý luận và thực tiễn nhân một chuyến thăm các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Việt Bắc. *Tạp Chí Ngôn Ngữ, Số 3*.

Hoành, N. H. (2007). Vị trí tiếng Kháng trong các ngôn ngữ Mon – Khmer. *Tạp Chí Ngôn Ngữ, Số 4*.

Hoành, N. H. (2009). Ngữ âm tiếng Kháng (những nhận xét ban đầu). In *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Jie, D. (2007). *Bumang yu yanjiu (A study of Bumang)*. Beijing: Minzu University.

Rischel, J. (1989). Can the Khơ Mú component in Mlabri ('Phi Tong Luang') be identified as Old T'in? *Acta Orientalia, 50*, 79–115.

Lô, L. V., Thấu, N. H., Trí, M. V., Anh, N., & Đường, M. (1969). *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.

Mikami, N. (2003). A Khang Phonology and Wordlist. In Hiromi Ueda (Ed.), *Reports on Minority Languages in Mainland Southeast Asia* (ed). Osaka Gakuin University.

Premsrirat, S. (1993). *Thai-Khmu - English Dictionary*.

Premsrirat, S. (2001). *Thesaurus of Khmu Dialects in Southeast Asia*. Salaya.

- Shorto, H. (2006). *A Mon-Khmer Comparative Dictionary*. Australian: Pacific Linguistics Publishers
- Sidwell, P. (2015). *The Palaungic Languages: Classification, Reconstruction and Comparative Lexicon*. Munich: Lincom Europa.
- Thomas, D., & Headley, R. K. (1970). More on Mon- Khmer supgroupings. *Lingua*, 25, 398-418.
- Tùng, T. Q. (2014). Đặc điểm tiếng Khơ Mú ở Tây Bắc Việt Nam. *Ngôn Ngữ và Văn Hoá Vùng Tây Bắc*. Sơn La.
- Tùng, T. Q. (2016). Hệ thống thanh điệu tiếng Kháng (trên cơ sở cứ liệu phân tích bằng máy tính). *Tạp Chí Ngôn Ngữ và Đời Sống*, Số 2(244).
- Tùng, T. Q. (2017a). Tiếng Kháng ở Việt Nam trước nguy cơ mai một. *Hội Thảo Ngôn Ngữ Học Toàn Quốc*. Đại học Quy Nhơn.
- Tùng, T. Q. (2017b). Từ âm vị học và âm tiết trong các ngôn ngữ Khơ Mú ở Việt Nam. *Tạp Chí Ngôn Ngữ và Đời Sống*, Số 6.
- Tùng, T. Q. (2018). Chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam với việc biên soạn từ điển (trường hợp tiếng Kháng). *Tạp Chí Từ Điển Học và Bách Khoa Thư*, Số 2, tr.49-57.
- Tùng, T. Q. (2019a). Đặc điểm hệ thống nguyên âm tiếng Kháng – một ngôn ngữ có nguy cơ mai một ở Việt Nam (khái quát từ những kết quả phân tích trên máy tính. *Ngôn Ngữ Dân Tộc Thiểu Số Có Nguy Cơ Mai Một ở Việt Nam Hiện Nay - Những Vấn Đề Lí Luận và Thực Tiễn*. Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
- Tùng, T. Q. (2019b). Trạng thái ngôn ngữ Kháng ở Việt Nam. *Hội Thảo Ngôn Ngữ Học Toàn Quốc*. Bình Dương: Đại học Thủ Dầu Một.
- Tùng, T. Q., & Thông, T. V. (2017). *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Vạn, Đ. N. (1983). *Mảng/Đầu vocabulary* (Michel Ferlus, Ed.). Hà Nội.
- Vạn, Đ. N., Bình, N. T., Huy, N. V., & Thiên, T. (1972). *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Dân tộc học. (1978). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Khu vực phía Bắc)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Hàn lâm Khoa học Nga, & Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. (1990). *Tiếng Xinh mun (Kxinh Mul)*. Matxcova: Nxb. Khoa học.

LANGUAGE STATUS OF KHO-MU ETHNIC GROUP IN VIETNAM

Ta Van Thong^a
Ta Quang Tung^b

^aVietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia

Email: tavanthong1955@gmail.com

^bVietnam Institute of Linguistics

Email: quangtung7391@gmail.com

Received: 20/2/2020

Reviewed: 28/2/2020

Revised: 5/3/2020

Accepted: 20/3/2020

Released: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/385>

Abstract

The purpose of this scientific paper is to point out the similarities and differences in the language status of Kho-mu ethnic group in Vietnam including: Kho-mu, Xinh Mun, Khang, and O Du.

The similarities: These are languages that are very close in origin, maintaining the “ancient” status of isolating languages. Multilingualism (bilingualism) is common among all Kho-mu ethnic group: Vietnamese - the mother tongue of these ethnic groups – Thai language, Lao language..... However, this phenomenon is often unequal.

The differences: The Khang speaks two languages. The languages of Kho-mu, Xinh Mun and Khang ethnic group are at high risk of being lost; O Du is in danger of completely losing its traditional cultural identity, including ethnic language (change into speaking Thai language or Kho-mu language).

This can be considered as a case study of the language status of ethnic minorities in Vietnam.

Keywords

Ethnic minorities; Multilingual; Endangered language; Kho-mu language group; Language status.